TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tuyên

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2003 - Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên (Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cũ) (Vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Anh Hà Văn M, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cũ) (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2025, nộp trực tiếp ngày 08/5/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 23/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh M là ông Hà Văn S và bà Phạm Thị N tại tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi kết hôn khoảng 01 năm (sau khi chị sinh con) vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình vợ chồng sống chung với mẹ chồng là bà Phạm Thị N, giữa chị và bà N có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày dẫn

đến việc bà N thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị. Anh M không can thiệp, không bảo vệ chị khi chị và bà N có mâu thuẫn. Anh M cũng không quan tâm, yêu thương chị, tỏ thái độ lạnh nhạt, bỏ mặc mẹ con chị những lúc con ốm. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng, tuy nhiên bà N vẫn tiếp tục có những hành vi như vậy kéo dài. Đến khoảng cuối năm 2024, do không chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị là bà Hoàng Thị L - Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sinh sống từ đó đến nay. Nay chị cảm thấy vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Hà Văn M.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung là Hà Kim P, sinh ngày 12/9/2021 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hiện nay, cháu đang sinh sống cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn M đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương, xác định anh Hà Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản L1, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Anh M1 đã trực tiếp ký nhận một số văn bản tố tụng của Tòa án theo dịch vụ bưu chính, một số văn bản tố tụng của Tòa án được mẹ đẻ là bà Phạm Thị Như N1 thay và cam kết sẽ giao tận tay anh M1.

Qua xác minh, lấy lời khai của chính quyền địa phương, những người làm chứng nơi vợ chồng đã từng sinh sống, xác định:

Bà Phạm Thị N (mẹ đẻ anh M1) xác định: Quá trình vợ chồng anh M1, chị T chung sống, chị T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, có biểu hiện không chung thủy với chồng. Bà N xác nhận, khi chị T và anh M1 còn chung sống, bà có được dạy bảo chị T, đôi khi có mắng chửi vì muốn chị T biết làm nhiều việc hơn. Từ cuối năm 2024, chị T bỏ nhà đi, nguyên nhân có thể do bị bà dạy bảo nhiều, còn anh M1 thì ít quan tâm, chia sẻ. Theo bà N, mâu thuẫn vợ chồng anh M1, chị T đã trầm trọng, không thể hòa giải được. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Kim P, hiện nay đang sinh sống cùng chị T. Bà N mong muốn Tòa án giải quyết cho anh M1, chị T được ly hôn, con chung do chị T nuôi dưỡng.

Người thân của chị T xác nhận: Sau khi kết hôn, chị T và anh M1 chung sống với bố mẹ đẻ của anh M1. Quá trình chung sống, chị T có chia sẻ việc anh M1 không quan tâm, yêu thương, chia sẻ với chị T. Đồng thời, giữa chị T và mẹ anh M1 cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày không thể hòa

giải được. Đến cuối năm 2024, chị T bỏ về nhà và sinh sống cùng gia đình mẹ đẻ là bà Hoàng Thị L cho đến nay. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Kim P, hiện nay đang sinh sống cùng chị T và bà L tại thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Bà L còn khỏe mạnh, có khả năng và mong muốn phụ giúp chị T để chăm sóc cháu P. Kể từ khi mẹ con chị T về chung sống với bà, anh M1 không liên lạc, không quan tâm gì đến mẹ con chị T. Theo bà, mâu thuẫn giữa chị T và anh M1 không thể hòa giải được.

Chính quyền thôn Bản Liềng xác định, quá trình vợ chồng anh M1, chị T sinh sống tại địa phương, chính quyền thôn không nhận được thông báo về việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

***** Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 10/9/2025 và 26/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T về việc ly hôn với anh Hà Văn M.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Hà Kim P, sinh ngày 12/9/2021 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T khởi kiện anh Hà Văn M yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 10/9/2025 và ngày 26/9/2025 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn M chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 23/11/2021 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn một thời gian ngắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị cho rằng anh M không quan tâm, yêu thương, giúp đỡ chị trong cuộc sống hằng ngày. Đồng thời, quá trình vợ chồng sống chung với mẹ anh M, giữa chị và mẹ anh M cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được nhưng anh M cũng không thể hiện quan điểm hay bênh vực gì cho chị. Vì vậy, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể hòa hợp, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh M.

Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh M đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh M không đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh M cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị T xác định không còn tình cảm với anh M. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Hà Kim P, sinh ngày 12/9/2021. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của nguyên đơn, người làm chứng, có căn cứ xác định cháu P sống cùng chị T luôn được sự quan tâm, chăm sóc tốt từ mẹ. Chị T có công việc, có thu nhập ổn định, mẹ của chị T là bà Hoàng Thị L có sức khỏe, có điều kiện kinh tế và có nguyện vọng giúp đỡ chị T trong việc nuôi con. Thấy rằng, cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc, có môi trường học tập và phát triển tốt thể hiện qua việc cháu

khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh M không quan tâm, gửi chi phí nuôi dưỡng đối với con. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng, anh M không có ý kiến thể hiện nguyện vọng, mong muốn đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt có khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T đối với anh Hà Văn M về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hà Văn M (Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 23/11/2021).

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Hà Kim P, sinh ngày 12/9/2021 (Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ